



hào zhàn

好战

adjective · warlike, bellicose

Example Sentences

hào zhàn de yán lùn yǐn fā le jǐn zhāng jú shì
好战的言论引发了紧张局势。

Bellicose remarks triggered a tense situation.

lì shǐ shàng hào zhàn de dì guó wǎng wǎng kuò zhāng xùn sù
历史上好战的帝国往往扩张迅速。

Historically, warlike empires often expanded rapidly.

Trace each character, then write the word on your own.

好	好	好	好	好	好	好	好	好		
战	战	战	战	战	战	战	战	战	战	战
战										